

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: anh **Tân A S**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: **bản H, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu**

Bị đơn: chị **Chèo U M**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: **bản H, xã P, huyện S, tỉnh Lai Châu.**

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Tân A S** và chị **C U M**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh **Tân A S** và chị **C U M** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh **Tân A S** và chị **Chèo U M** có 04 con chung là cháu **Tân**

Kim N, sinh ngày 12/12/2021; cháu Tân Mỹ D, sinh ngày 22/7/2010; cháu Tân Mỹ P, sinh ngày 27/8/2006 và cháu Tân Thang L, sinh ngày 15/9/2013. Giao các con chung là Tân Kim N, sinh ngày 12/12/2021; Tân Mỹ Diễm, sinh ngày 22/7/2010; Tân Mỹ P, sinh ngày 27/8/2006 và Tân Thang L, sinh ngày 15/9/2013 cho chị C U Mây là người trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Anh Tân A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tân A S và chị C U Mây tự thỏa thuận không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Tân A S và chị C U Mây không yêu cầu, Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Anh Tân A S và chị C U Mây không yêu cầu, Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Tân A S và chị Chèo U M phải chịu 50% án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm, tương đương với số tiền 150.000 đồng. Anh Tân A S và chị C U Mây thỏa thuận, nhất trí, anh T A S là người chịu toàn bộ án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Do đó, anh T A S phải chịu 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Được đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình anh Tân A S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000638; ký hiệu: BLTU/23, ngày 30/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Trả lại cho anh T A S số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000638; ký hiệu: BLTU/23, ngày 30/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- UBND xã Phăng Sô Lin, huyện Sìn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Mạnh Trang**